TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ – ST.
Ngày: 04/02/2026
V/v : "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Hay

Ông Nguyễn Văn Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4-Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2025/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn H - SN 1986 "Vắng mặt"
Số căn cước công dân: 038086013482
Hộ khẩu thường trú: Khu phố L, phường S, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: Số 53 đường Gugae- Gil, xã NamJeoung – myeon, huyện Yeongdeok – gun, tỉnh Gyeongsangbuk –do, Hàn Quốc.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H1 - SN 1991" Vắng mặt"
Số căn cước công dân: 038301004682
Địa chỉ: Khu phố L, phường S, tỉnh Thanh Hóa.

(Anh H, chị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H1 kết hôn với nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND phường Quảng Tiến, Thị xã S (nay là phường S), tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống vui vẻ, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, trong cách nuôi dạy con cái dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vả, cuộc sống luôn căng thẳng, mệt mỏi thêm áp lực về kinh tế khiến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt . Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhiều lần nH không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Từ tháng 7/2023 anh H đã xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc theo diện xuất khẩu lao động, còn chị H1 sống làm việc tại Việt Nam, nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không thể hàn gắn được. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H1

Về con: Anh H chị H1 có 02 con chung: Cháu Trần Thị V, sinh ngày 16/12/2008 và cháu Trần B, sinh ngày 14/12/2014. Hiện nay do anh H đang ở Hàn Quốc, còn các cháu V, B đang sống với mẹ tại Việt Nam, nên anh đề nghị giao hai cháu V, B cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000đ/tháng, hai cháu 4.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi Tòa có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai chị Nguyễn Thị H1 trình bày:*

Về hôn nhân: Thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị đồng ý như anh H trình bày. Đến năm 2023 anh H sang Hàn Quốc làm việc, tình cảm vợ chồng dần xa cách và không thể hàn gắn được. Chị thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2023 cho đến nay. Nay anh H có đơn xin ly hôn, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn đề nghị Tòa giải quyết.

Về con: Anh chị có hai con chung như anh H trình bày là đúng. Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng với chị tại Việt Nam, vì vậy ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi hai cháu V và B, anh H sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000đ/tháng, hai cháu 4.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi Tòa có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ: Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Đơn trình bày nguyện vọng của các cháu Trần Thị V và cháu Trần B. Các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Theo xác nhận tại Biên bản xác minh của trưởng phố nơi anh H, chị H1 sinh sống trước khi anh H đi xuất khẩu lao động: Anh H, chị H1 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Quảng Tiến, thị xã S (nay là phường S), tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn xong anh chị sinh sống tại phường Quảng Tiến, TP S (nay là phường S), tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống anh chị mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ, chỉ biết rằng khoảng giữa năm 2023 đến nay anh H đã đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, nên vợ chồng anh chị không còn chung sống với nhau nữa. Về con: anh H chị H1 có 02 con chung là Cháu Trần Thị V, sinh ngày 16/12/2008 và cháu Trần B, sinh ngày 14/12/2014,Từ khi anh H đi xuất khẩu lao động, các con của anh chị sống cùng với chị H1. Nay anh H chị H1 làm đơn xin ly hôn với nhau, địa phương đề nghị Tòa căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H, chị H1 theo quy định của pháp luật nH do đang ở xa nên anh H, chị H1 đều có đơn xin không hòa giải và xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa hôm nay anh H, chị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không có ý kiến gì khác. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H, chị H1 để tham gia phiên tòa nH anh H, chị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xử vắng mặt anh H, chị H1 là đúng quy định theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án án căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Chấp nhận cho anh Trần Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị H1; Giao hai cháu Trần Thị V, sinh ngày 16/12/2008 và cháu Trần B, sinh ngày 14/12/2014 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000đ/tháng, hai cháu 4.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 03/2026 đến khi các cháu V, B đủ tuổi thành niên. Anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng***:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, nguyên đơn và bị đơn đều có quốc tịch Việt Nam, nguyên đơn anh H đang cư trú ở nước ngoài (Hàn Quốc) và bị đơn chị H1 cư trú tại phường S, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 4- tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định theo

khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự

1.*2. Về việc vắng mặt của các đương sự:*

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham phiên tòa nH anh H, chị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS giải quyết vắng mặt anh H, chị H1 là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị H1 kết hôn với nhau vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án anh chị đều thừa nhận vợ chồng chung sống có mâu thuẫn xảy ra và đã sống ly thân nhau từ năm 2023 đến nay. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: Hiện nay anh chị không còn sống chung với nhau . Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đều thống nhất ly hôn. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Trần Văn H, xử cho anh H và chị H1 được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con: Anh H chị H1 có 02 con chung là: Cháu Trần Thị V, sinh ngày 16/12/2008 và cháu Trần B, sinh ngày 14/12/2014. Từ khi anh H đi xuất khẩu lao động bên Hàn Quốc, các cháu V và B sống với chị H1 tại Việt Nam, chị H1 vẫn nuôi dạy các cháu đảm bảo về mọi măt, hơn nữa hiện nay anh H đang sống bên Hàn Quốc, còn các con của anh chị đang sống và học tập tại Việt Nam cùng với chị H1 . Nên cả hai bên đều thống nhất giao hai con chung cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh H sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000đ/tháng, hai cháu 4.000.000đ/tháng. Xét việc thỏa thuận của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận

[4] Về tài sản, công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí **:** Anh H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/QH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 469; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị H1.

Về con: Công nhận Cháu Trần Thị V, sinh ngày 16/12/2008 và cháu Trần B, sinh ngày 14/12/2014. Giao cháu V và B cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng và anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng một tháng), hai cháu 4.000.000đ/tháng (bốn triệu đồng một tháng) , thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 03/2026 đến khi các cháu V, B đủ tuổi thành niên

Về tài sản, công nợ chung: Anh H, chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết.

Án phí: Anh Trần Văn H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai số 0003672 ngày 02/12/2025 Thi hành án dân sự tỉnhThanh Hóa, anh H còn phải nộp thêm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Chị H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc ngày niêm yết hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật./

Trường hợp Bản án này được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND và VKSND tỉnh Thanh Hóa;
-VKSND khu vực 4-Thanh Hóa;
- Phòng THADS khu vực 4-Thanh Hóa;
- THA dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND P. S, Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Long

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Mai Trịnh Thị Cúc Hà Thị Long